



RSM DTL Auditing
Connected for Success

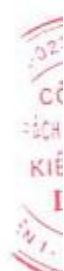
**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 33



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn theo Quyết định số 5134/QĐ-UBND ngày 05/10/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 0301055612 ngày 17 tháng 03 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 01 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30 tỷ đồng.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Ngô Văn Ích	Chủ tịch
Ông Tạ Thái Mẫn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Lê Hoàng Thanh Thảo	Thành viên
Ông Lê Phương Nam	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Minh Tuấn	Trưởng ban
Ông Phan Sum	Thành viên
Bà Bùi Nguyễn Tường Anh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Ngoạn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG



Số: 15.331/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 01 năm 2015 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Ở đây chúng tôi không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, mà chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính vấn đề sau: Như được trình bày tại mục 4.16 của thuyết minh đính kèm, Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số số liệu của năm trước theo kiến nghị nêu tại báo cáo kiểm toán ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán có ý kiến chấp nhận toàn phần được phát hành vào ngày 20 tháng 02 năm 2014.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HỒ NGỌC BẢO

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2136-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm (Đã được điều chỉnh hồi tố)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		60.806.354.761	59.775.659.146
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	7.871.282.800	10.952.370.854
1. Tiền	111		7.871.282.800	4.672.370.854
2. Các khoản tương đương tiền	112			6.280.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	34.067.260.000	32.343.284.600
1. Đầu tư ngắn hạn	121		34.291.439.298	32.768.473.198
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(224.179.298)	(425.188.598)
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	18.631.541.628	16.335.303.692
1. Phải thu khách hàng	131		14.847.075.784	10.501.317.044
2. Trả trước cho người bán	132		30.250.000	39.250.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		3.754.215.844	5.794.736.648
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		236.270.333	144.700.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		24.000.000	90.700.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		173.770.333	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		38.500.000	54.000.000

(Phần tiếp theo ở trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm (Đã được điều chỉnh hồi tố)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.965.477.383	53.908.335.177
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		14.698.226.581	15.272.348.621
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	14.346.988.390	14.921.110.430
+ Nguyên giá	222		24.400.664.851	23.118.128.487
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.053.676.461)	(8.197.018.057)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.5)	351.238.191	351.238.191
III. Bất động sản đầu tư	240	(5.6)		36.534.364
+ Nguyên giá	241		4.611.658.284	4.611.658.284
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4.611.658.284)	(4.575.123.920)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.7)	9.140.092.102	9.140.092.102
1. Đầu tư vào công ty con	251		7.500.000.000	7.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			1.800.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.100.000.000	300.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(459.907.898)	(459.907.898)
V. Tài sản dài hạn khác	260		23.127.158.700	29.459.360.090
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		264.000.000	784.357.990
3. Tài sản dài hạn khác	268	(5.8)	22.863.158.700	28.675.002.100
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		107.771.832.144	113.683.994.323

(Phần tiếp theo ở trang 07)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm (Đã được điều chỉnh hồi tố)
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		50.242.185.252	55.936.264.999
I. Nợ ngắn hạn	310		9.261.801.709	12.172.401.036
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312			102.500.000
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.9)	5.684.179.795	4.767.202.539
5. Phải trả người lao động	315	(5.10)	1.267.775.763	1.690.140.971
6. Chi phí phải trả	316		55.000.000	35.000.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.11)	1.266.847.306	4.647.768.240
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.12)	987.998.845	929.789.286
II. Nợ dài hạn	330		40.980.383.543	43.763.863.963
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.13)	40.955.383.543	43.763.863.963
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		25.000.000	
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.529.646.892	57.747.729.324
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.14.1)	57.529.646.892	57.747.729.324
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.14.2)	30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.626.140.986	17.314.557.600
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.713.669.843	3.402.086.457
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.14.5)	6.189.836.063	7.031.085.267
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		107.771.832.144	113.683.994.323

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại + USD		37.214,70	37.189,25
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ TÂN TÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ MẠNH HÙNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã được điều chỉnh hồi tố)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		166.332.076.587	123.267.808.116
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	166.332.076.587	123.267.808.116
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	151.647.015.490	111.035.747.506
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.685.061.097	12.232.060.610
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	3.725.257.481	5.236.600.871
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	(95.471.408)	(9.090.909)
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		12.214.854	
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	12.334.220.360	10.006.306.108
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.171.569.626	7.471.446.282
11. Thu nhập khác	31	(6.6)	1.800.000.000	3.369.619.318
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40		1.800.000.000	3.369.619.318
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.971.569.626	10.841.065.600
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.7)	1.219.543.909	2.621.411.085
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		520.357.990	(35.924.207)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.231.667.727	8.255.578.722

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ TÂN TÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ MẠNH HÙNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã được điều chỉnh hồi tố)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.971.569.626	10.841.065.600
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.893.192.768	1.851.578.232
Các khoản dự phòng	03		(201.009.300)	(895.612.347)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(10.417.872)	(10.405.272)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.631.219.609)	(4.872.818.556)
Chi phí lãi vay	06		12.214.854	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		6.034.330.467	6.913.807.657
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.768.309.936)	(5.079.421.624)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp)	11		5.744.941.515	1.519.964.863
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		66.700.000	(64.314.902)
Tiền lãi vay đã trả	13		(12.214.854)	
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.776.282.243)	(2.208.930.710)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		349.080.000	427.704.165
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.000.021.020)	(1.013.324.365)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		638.223.929	495.485.084
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.282.536.364)	(1.327.981.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			609.444.443
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(48.550.000.000)	(32.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		46.800.000.000	25.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(48.815.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		143.413.900	387.582.290
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.202.411.609	5.067.221.570
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.313.289.145	(1.912.548.515)

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã được điều chỉnh hồi tố)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6.260.293.006	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.260.293.006)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.043.019.000)	(3.297.891.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.043.019.000)	(3.297.891.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(3.091.505.926)	(4.714.954.431)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.952.370.854	15.656.920.013
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		10.417.872	10.405.272
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		7.871.282.800	10.952.370.854

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ TÂN TÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ MẠNH HÙNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn theo Quyết định số 5134/QĐ-UBND ngày 05/10/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 0301055612 ngày 17 tháng 03 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 01 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30 tỷ đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.705 (31/12/2013 là 2.327 người). Trong đó, nhân viên chính tại văn phòng Công ty là 35 (31/12/2013 là 37 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ cung ứng lao động;
- Các hoạt động liên quan đến bất động sản, kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê (trừ cho thuê đất), cho thuê nhà ở, cho thuê nhà phục vụ cho mục đích kinh doanh (văn phòng làm việc, ki-ốt, trung tâm thương mại);
- Cho thuê kho, bãi đậu xe;
- Dịch vụ nhà đất.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hạch toán trong kỳ, riêng các khoản mục phi tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
+ Máy móc thiết bị	03 - 05 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05 năm
+ Tài sản cố định khác	03 - 07 năm

4.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho Phần mềm vi tính là 03 năm.

4.7. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.8. Bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho nhà cửa kiến trúc là 10 - 13 năm.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính
 - + Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
 - + Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Trong năm 2014, Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận căn cứ theo Điều lệ của Công ty đối với tỷ lệ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 001/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 04 năm 2014, cụ thể như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính trích lập 5% trên lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập 15% trên lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ đầu tư phát triển trích lập 5% trên lợi nhuận sau thuế.
- Chia cổ tức với tỷ lệ 12% trên mệnh giá cổ phiếu.

4.12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.13. Thuế

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- *Thuế giá trị gia tăng*

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- | | |
|--|------|
| + Dịch vụ cung ứng lao động | 10 % |
| + Dịch vụ cho thuê nhà và ủy thác thuê nhà | 10 % |

- *Các loại thuế khác:* Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.14. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

4.15. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.16. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh đã được kiểm toán bởi kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Một vài số liệu so sánh đã được điều chỉnh hồi tố theo kiến nghị nêu tại báo cáo kiểm toán ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Kiểm toán Nhà nước cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	Đầu năm		VND
	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Sau điều chỉnh
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	59.699.868.237	75.790.909	59.775.659.146
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.785.645.739	9.090.909	5.794.736.648
Chi phí trả trước ngắn hạn	24.000.000	66.700.000	90.700.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	53.432.738.996	475.596.181	53.908.335.177
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	351.238.191	351.238.191
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	660.000.000	124.357.990	784.357.990
C. NỢ PHẢI TRẢ	57.732.836.809	(1.796.571.810)	55.936.264.999
Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	3.824.326.747	942.875.792	4.767.202.539
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.387.215.842	(2.739.447.602)	4.647.768.240
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	55.399.770.424	2.347.958.900	57.747.729.324
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.683.126.367	2.347.958.900	7.031.085.267

Bảng Báo cáo kết quả kinh doanh (Trích):

	Năm trước		Năm trước
	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Sau điều chỉnh
Chi phí tài chính	-	(9.090.909)	(9.090.909)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.424.244.299	(417.938.191)	10.006.306.108
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.044.417.182	427.029.100	7.471.446.282
Thu nhập khác	630.171.716	2.739.447.602	3.369.619.318
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.674.588.898	3.166.476.702	10.841.065.600
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.678.535.293	942.875.792	2.621.411.085
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	88.433.783	(124.357.990)	(35.924.207)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.907.619.822	2.347.958.900	8.255.578.722

Bảng Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích):

	Năm trước		Năm trước
	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Sau điều chỉnh
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	7.674.588.898	3.166.476.702	10.841.065.600
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(5.734.636.778)	861.818.222	(4.872.818.556)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	2.885.512.733	4.028.294.924	6.913.807.657
Tăng, giảm các khoản phải thu	(5.087.160.932)	7.739.308	(5.079.421.624)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(3.398.556.918)	4.918.521.781	1.519.964.863
Tăng, giảm chi phí trả trước	2.385.098	(66.700.000)	(64.314.902)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	7.417.995.400	(6.990.291.235)	427.704.165
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(334.080.000)	(679.244.365)	(1.013.324.365)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(732.835.329)	1.228.320.413	495.485.084
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(976.743.627)	(351.238.191)	(1.327.981.818)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(5.844.967.543)	(26.155.032.457)	(32.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	402.846.290	24.997.153.710	25.400.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(48.815.000)	(48.815.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	387.582.290	387.582.290
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.125.192.335	(57.970.765)	5.067.221.570
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(684.228.102)	(1.228.320.413)	(1.912.548.515)

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	154.871.896	76.059.625
Tiền gửi ngân hàng	7.716.410.904	4.596.311.229
Các khoản tương đương tiền	-	6.280.000.000
Tổng cộng	<u>7.871.282.800</u>	<u>10.952.370.854</u>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	541.439.298	768.473.198
Đầu tư ngắn hạn khác	33.750.000.000	32.000.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	34.291.439.298	32.768.473.198
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(224.179.298)	(425.188.598)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	<u>34.067.260.000</u>	<u>32.343.284.600</u>

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn được chi tiết như sau:

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	9.290	169.179.000	19.290	351.299.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy Sản Minh Phú	-	-	500	35.275.500
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	2.400	134.827.022	2.400	134.827.022
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	2.400	59.389.600	2.400	59.389.600
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	57	3.442.220	50	3.442.220

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn	2.000	140.000.000	2.000	140.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	100	3.058.756	100	3.058.756
Cổ phiếu Tổng Công ty Xây Lắp Dầu Khí Việt Nam	2.000	26.723.500	2.000	26.723.500
Cổ phiếu Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát	1.000	4.819.200	3.000	14.457.600
Cộng	19.247	541.439.298	31.740	768.473.198

Đầu tư ngắn hạn khác là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	14.847.075.784	10.501.317.044
Trả trước cho người bán	30.250.000	39.250.000
Các khoản phải thu khác	<u>3.754.215.844</u>	<u>5.794.736.648</u>
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	18.631.541.628	16.335.303.692
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>18.631.541.628</u>	<u>16.335.303.692</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, khoản phải thu các bên liên quan là 14.122.099.281 đồng - xem thêm mục 7.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu tiền hỗ trợ từ Công ty Đầu Tư Căn Hộ Xanh CT - Dầu khí	1.200.000.000	3.300.000.000
Phải thu tiền BHXH của Công ty TNHH Nhà Máy Bia Việt Nam - xem thêm mục 7.	1.944.175.144	1.442.769.039
Phải thu chi phí thẩm định dự án khu đất 259 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM	280.692.700	210.692.700
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	329.348.000	816.920.000
Phải thu Công ty CP Chứng Khoán Sài Gòn SSI về tiền bán chứng khoán	-	15.264.000
Chi phí thẩm định giá Công ty con	-	9.090.909
Cộng	<u>3.754.215.844</u>	<u>5.794.736.648</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	13.636.942.040	5.394.121.594	1.667.643.628	2.419.421.225	23.118.128.487
Mua trong năm	-	-	1.282.536.364	-	1.282.536.364
Số dư cuối năm	13.636.942.040	5.394.121.594	2.950.179.992	2.419.421.225	24.400.664.851
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.319.380.072	3.767.918.018	381.161.242	728.558.725	8.197.018.057
Khấu hao trong năm	1.170.390.264	238.710.000	192.717.236	254.840.904	1.856.658.404
Số dư cuối năm	4.489.770.336	4.006.628.018	573.878.478	983.399.629	10.053.676.461
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	10.317.561.968	1.626.203.576	1.286.482.386	1.690.862.500	14.921.110.430
Tại ngày cuối năm	9.147.171.704	1.387.493.576	2.376.301.514	1.436.021.596	14.346.988.390

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.439.088.567 đồng.

5.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí của Công trình 20-22-24 Nguyễn Thị Nhỏ	224.246.809	224.246.809
Chi phí của Công trình 223 Bến Bình Đông	126.991.382	126.991.382
Tổng cộng	351.238.191	351.238.191

5.6. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	VND	
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	4.611.658.284	4.611.658.284
Số dư cuối năm	4.611.658.284	4.611.658.284
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	4.575.123.920	4.575.123.920
Khấu hao trong năm	36.534.364	36.534.364
Số dư cuối năm	4.611.658.284	4.611.658.284

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	36.534.364	36.534.364
Tại ngày cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá của bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.611.658.284 đồng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính.

5.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	7.500.000.000	7.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	1.800.000.000
Đầu tư dài hạn khác	<u>2.100.000.000</u>	<u>300.000.000</u>
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	9.600.000.000	9.600.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>(459.907.898)</u>	<u>(459.907.898)</u>
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	<u>9.140.092.102</u>	<u>9.140.092.102</u>

Đầu tư vào Công ty con được chi tiết như sau:

	VND	
	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị vốn góp
Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh Thương	100%	500.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn Du Lịch	100%	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sài Gòn Nhân Lực	100%	<u>5.000.000.000</u>
Cộng		<u>7.500.000.000</u>

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị vốn góp
Công ty Cổ phần Đầu Tư Căn Hộ Xanh CT - Dầu khí	2,72%	1.800.000.000
Tiền gửi dài hạn 3 năm tại Ngân hàng Ngoại Thương		<u>300.000.000</u>
Cộng		<u>2.100.000.000</u>

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn là khoản dự phòng đầu tư vào công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh Thương.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

5.8. Tài sản dài hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc tiền thuê nhà số 28 Võ Trường Toản, phường An Phú, Quận 2, TP.HCM	20.758.158.700	28.535.922.100
Đặt cọc tiền thuê nhà số 16 Phùng Khắc Hoan, phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM	50.000.000	50.000.000
Đặt cọc thuê nhà B2-1001 Tháp Boulevard, City Garden	-	34.080.000
Đặt cọc thuê nhà B2-201 Tháp Boulevard, City Garden	55.000.000	55.000.000
Khoản ký quỹ tại Ngân hàng Đông Á để xin giấy phép cho thuê lại lao động	<u>2.000.000.000</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>22.863.158.700</u>	<u>28.675.002.100</u>

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.504.924.727	1.169.847.530
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.382.968.001
Thuế thu nhập cá nhân	100.749.664	20.660.497
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.002.570.000	2.098.459.960
Các khoản thuế, lệ phí khác	<u>75.935.404</u>	<u>95.266.551</u>
Tổng cộng	<u>5.684.179.795</u>	<u>4.767.202.539</u>

5.10. Phải trả người lao động

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả lương nhân viên trong công ty	1.229.447.000	1.649.158.200
Phải trả lương nhân viên ngoài công ty	<u>38.328.763</u>	<u>40.982.771</u>
Tổng cộng	<u>1.267.775.763</u>	<u>1.690.140.971</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

5.11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.600.000.000
Tiền hỗ trợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Căn Hộ Xanh CT - Dầu khí	1.200.000.000	3.000.000.000
Phải trả khác	66.847.306	47.768.240
Tổng cộng	1.266.847.306	4.647.768.240

5.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	929.789.286	790.186.513
Trích lập trong năm	934.750.159	886.142.973
Tăng khác	260.000.000	120.000.000
Sử dụng trong năm	(1.136.540.600)	(866.540.200)
Số dư cuối năm	987.998.845	929.789.286

5.13. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ ký cược và được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Giáo Dục Quốc Tế (IEC)	40.569.883.543	43.344.283.963
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tân Mỹ Á	82.000.000	82.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Kim Hoa	105.000.000	105.000.000
Đoàn Văn Dũng	13.500.000	13.500.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Huy Đức	30.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Kinh Doanh Nhà Bè	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH CGP Việt Nam	27.500.000	55.000.000
Công ty TNHH Scan Global Logistics Việt Nam	-	34.080.000
Công ty TNHH Cetus Việt Nam	27.500.000	-
Tổng cộng	40.955.383.543	43.763.863.963

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

5.14. Vốn chủ sở hữu**5.14.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	VND				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	17.019.176.609	3.106.705.466	3.752.411.500	53.878.293.575
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	8.255.578.722	8.255.578.722
Trích lập quỹ	-	295.380.991	295.380.991	(1.476.904.955)	(886.142.973)
Chia cổ tức	-	-	-	(3.300.000.000)	(3.300.000.000)
Thưởng Ban Quản lý, điều hành	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Số dư đầu năm nay	<u>30.000.000.000</u>	<u>17.314.557.600</u>	<u>3.402.086.457</u>	<u>7.031.085.267</u>	<u>57.747.729.324</u>
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	6.231.667.727	6.231.667.727
Trích lập quỹ	-	311.583.386	311.583.386	(1.557.916.931)	(934.750.159)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.100.000.000)	(5.100.000.000)
Thưởng Ban Quản lý, điều hành	-	-	-	(415.000.000)	(415.000.000)
Số dư cuối năm nay	<u>30.000.000.000</u>	<u>17.626.140.986</u>	<u>3.713.669.843</u>	<u>6.189.836.063</u>	<u>57.529.646.892</u>

5.14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (đại diện vốn nhà nước)	15.300.000.000	51%	15.300.000.000	51%
Các cổ đông khác	14.700.000.000	49%	14.700.000.000	49%
Tổng cộng	<u>30.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>30.000.000.000</u>	<u>100%</u>

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, các cổ đông Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

5.14.3 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chi trả trong năm	5.043.019.000	3.297.891.000

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 04 năm 2014 thì cổ tức năm 2013 được chi trả bằng tiền với tỷ lệ là 12%. Tỷ lệ chi trả cổ tức theo kế hoạch cho năm 2014 là 12%.

5.14.4 Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	3.000.000	3.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.14.5 Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	7.031.085.267	3.752.411.500
Trích cổ tức năm trước và năm nay	(5.100.000.000)	(3.300.000.000)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	6.231.667.727	8.255.578.722
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(311.583.386)	(295.380.991)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	(311.583.386)	(295.380.991)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(934.750.159)	(886.142.973)
Thường Ban Quản lý điều hành	(415.000.000)	(200.000.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	<u>6.189.836.063</u>	<u>7.031.085.267</u>

(Phần tiếp theo ở trang 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	-	20.341.818
Doanh thu cung ứng lao động	145.157.092.267	104.117.355.630
Doanh thu dịch vụ cho thuê nhà mặt bằng và dịch vụ ủy thác nhà	<u>21.174.984.320</u>	<u>19.130.110.668</u>
Tổng cộng	<u>166.332.076.587</u>	<u>123.267.808.116</u>

Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan với số tiền 137.784.362.064 đồng - xem thêm mục 7.

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ cung ứng lao động	139.663.375.421	100.273.243.961
Giá vốn của dịch vụ cho thuê nhà mặt bằng và dịch vụ ủy thác nhà	11.983.640.069	10.748.103.545
Giá vốn hàng bán	<u>-</u>	<u>14.400.000</u>
Tổng cộng	<u>151.647.015.490</u>	<u>111.035.747.506</u>

Trong đó, dịch vụ sử dụng của các bên liên quan với số tiền 228.965.855 đồng - xem thêm mục 7.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	620.619.600	1.642.294.177
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.417.872	10.405.272
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.094.220.009	3.424.927.393
Thu nhập tài chính khác	<u>-</u>	<u>158.974.029</u>
Tổng cộng	<u>3.725.257.481</u>	<u>5.236.600.871</u>

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	12.214.854	-
Lỗ do bán chứng khoán	83.620.000	803.847.457
Chi phí định giá công ty con	9.090.909	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(201.009.300)	(814.342.483)
Chi phí tài chính khác	<u>612.129</u>	<u>1.404.117</u>
Tổng cộng	<u>(95.471.408)</u>	<u>(9.090.909)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.214.666.800	6.218.732.700
Chi phí vật liệu quản lý	172.440.911	34.483.637
Chi phí đồ dùng văn phòng	31.340.226	46.126.098
Chi phí khấu hao tài sản cố định	299.128.964	147.911.160
Thuế, phí và lệ phí	2.411.542.000	683.653.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.227.646.831	1.100.506.806
Chi phí bằng tiền khác	1.977.454.628	1.774.891.799
Tổng cộng	12.334.220.360	10.006.306.108

6.6. Thu nhập khác

VND

	Năm nay	Năm trước
Tiền hỗ trợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT- Dầu khí	1.800.000.000	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	609.444.443
Thu nhập khác	-	2.760.174.875
Tổng cộng	1.800.000.000	3.369.619.318

6.7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.971.569.626	10.841.065.600
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	481.677.239	1.283.211.317
Trừ các khoản điều chỉnh giảm, trong đó:		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	612.433.500	1.638.632.577
- Khác	2.297.431.960	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	5.543.381.405	10.485.644.340
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế TNDN phải nộp hiện hành	1.219.543.909	2.621.411.085

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế không được xem là chi phí được khấu trừ khi tính thuế TNDN như các khoản chi phí không hóa đơn chứng từ, chi phí nợ dự phòng phải thu khó đòi, chi phí phạt thuế, chi phí hoa hồng.

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế khác là lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản tiền, phải thu có gốc ngoại tệ, cổ tức lợi nhuận được chia.

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	145.699.335.221	106.341.801.461
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.893.192.768	1.851.578.232
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.876.965.891	9.903.318.862
Chi phí bằng tiền khác	<u>5.511.741.970</u>	<u>2.945.355.059</u>
Tổng cộng	<u>163.981.235.850</u>	<u>121.042.053.614</u>

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh Thương	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn Du Lịch	Công ty con
4. Công ty TNHH MTV Sài Gòn Nhân Lực	Công ty con
5. Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam	Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể (Chủ tịch HĐQT là Thành viên HĐQT Công ty mẹ)
6. Hội đồng quản trị	Nhân sự quản lý chủ chốt
7. Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt
8. Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư công nợ phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng - xem thêm mục 5.3	14.122.099.281	9.832.497.246
Phải thu khác - xem thêm mục 5.3	1.944.175.144	4.742.769.039

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ - xem thêm mục 6.1	137.784.362.064	101.796.135.550
Sử dụng dịch vụ - xem thêm mục 6.2	228.965.855	-
Cho vay	250.000.000	-

- Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	1.679.624.000	1.400.166.000
Thù lao của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	<u>367.625.000</u>	<u>365.653.000</u>
Tổng cộng	<u>2.047.249.000</u>	<u>1.765.819.000</u>

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công nợ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.871.282.800	10.952.370.854
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.176.423.784	11.318.237.044
Đầu tư ngắn hạn	34.067.260.000	32.343.284.600
Đầu tư dài hạn	2.100.000.000	300.000.000
Tài sản tài chính khác	<u>22.869.158.700</u>	<u>28.681.002.100</u>
Tổng cộng	<u>82.084.125.284</u>	<u>83.594.894.598</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Công nợ tài chính

Phải trả người bán và phải trả khác	41.014.473.543	43.868.472.963
Chi phí phải trả	55.000.000	35.000.000
Tổng cộng	41.069.473.543	43.903.472.963

Hiện nay, do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính cho nên Công ty không thể đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Công ty không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Công ty không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Công ty không thể thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	-	-	37.214,70	37.189,25

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 7.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

• Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tình thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

			VND
31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	59.090.000	40.955.383.543	41.014.473.543
Chi phí phải trả	55.000.000	-	55.000.000
01/01/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	104.609.000	43.763.863.963	43.868.472.963
Chi phí phải trả	35.000.000	-	35.000.000

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

			VND
31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.176.423.784	-	15.176.423.784
Đầu tư ngắn hạn	34.067.260.000	-	34.067.260.000
Đầu tư dài hạn khác	-	2.100.000.000	2.100.000.000
Tài sản tài chính khác	6.000.000	22.863.158.700	22.869.158.700
01/01/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.318.237.044	-	11.318.237.044
Đầu tư ngắn hạn	32.343.284.600	-	32.343.284.600
Đầu tư dài hạn khác	-	300.000.000	300.000.000
Tài sản tài chính khác	6.000.000	28.675.002.100	28.681.002.100

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 30 tháng 01 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ TÂN TÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ MẠNH HÙNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG